

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 25 – 01 – 2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươngne;
Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 397/2, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc C, (Chủ cửa hàng Vật liệu xây dựng Tr), địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 37, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 30/10/2020, Tờ cam kết ngày 17/6/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đinh Văn M trình bày:*

Ngày 17/6/2020, bà Trần Thị Ngọc C có mượn của ông số tiền 25.000.000 đồng, bà C có làm cam kết, hứa một tháng sau sẽ trả, nhưng đến nay không trả.

Nay ông yêu cầu **Tòa án giải quyết buộc** bà Trần Thị Ngọc C trả cho ông số tiền 25.000.000 đồng.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2020, người làm chứng ông Ngô Văn T trình bày:*

Ông không có quan hệ ông con thân thích, hay thân thích gì với ông Đinh Văn M và bà Trần Thị Ngọc C (Chủ cửa hàng Vật liệu xây dựng Tr), ông là người đi làm cầu cho chùa Thiên Thới, xã T.

Trong năm 2020, ông có làm cây cầu ở trước nhà của ông M, thuộc ấp A, xã A, huyện K, cầu này do chùa Thiên Thới đầu tư xây dựng và mua vật tư của cửa hàng Vật liệu xây dựng Tr. Lúc đó, ông thấy vợ chồng bà C đi vào nhà của ông M, bà C có nói đi mượn tiền của ông M, còn mượn bao nhiêu tiền ông không biết.

Ông cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Bị đơn bà Trần Thị Ngọc C vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn và người làm chứng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Theo Biên bản xác minh ngày 20/11/2020, Công an xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Bà Trần Thị Ngọc C-Chủ cửa hàng Vật liệu xây dựng Tr, không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng bà C có đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo Tờ Cam kết ngày 17/6/2020, cũng thể hiện địa chỉ Cửa hàng Vật liệu xây dựng Tr tại địa chỉ này, theo dấu mộc vuông đóng dưới tên của bà Trần Thị Ngọc C.

[2] **Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết** số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, cụ thể về việc xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: “*a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.*

[3] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Ngọc C, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; **Người làm chứng ông Ngô Văn T cũng vắng mặt không rõ lý do, nhưng đã có lời khai được Tòa án thu thập.** Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

- Về nội dung

[4] Theo Tờ Cam kết ngày 17/6/2020, do nguyên đơn cung cấp, thể hiện nội dung: *Tôi tên Trần Thị Ngọc C, vào ngày 17/6/2020, tôi có mượn em Mẫn 25 triệu đồng, tôi hứa trả trong vòng 01 tháng, nếu tôi không trả em Mẫn có quyền lấy bất cứ thứ gì mà bằng số tiền em Mẫn đưa cho tôi, nếu tôi không trả mà chống trả lại, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Người cho mượn: Đinh Văn M; Người mượn: Trần Thị Ngọc C; Ký ghi rõ họ tên.*

[5] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi bất kì văn bản nào trình bày ý kiến của mình, cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra. Căn cứ vào Tờ Cam kết nêu trên, có căn cứ xác định: Ngày 17/6/2020, bị đơn có vay của nguyên đơn 25.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng, vay không lãi, đến nay bị đơn vẫn chưa trả số tiền này cho nguyên đơn. Việc này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Ngô Văn T nêu trên.

[6] Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại*

theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

[7] Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

[8] Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”; “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

[9] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn M, buộc bà Trần Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 25.000.000 đồng.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên ông M không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà C chịu án phí có giá ngạch là 1.250.000 đồng (=25.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 351, 357, 166, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết** số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn M, buộc bà Trần Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ vay 25.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông M không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006750, ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Buộc bà C phải chịu 1.250.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng